

Số: 108/TB-BTN
“V/v thông báo đấu giá tài sản”

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2025

THÔNG BÁO ĐẦU GIÁ

Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng, tại các Ban trồng rừng nguyên liệu giấy thuộc Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam

1. Tên/địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản: Công ty Đầu giá Hợp danh Bắc Trung Nam

Địa chỉ: Số 6/4 Mạc Thái Tổ, Phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội.

2. Tên/địa chỉ Người có tài sản: Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam

Địa chỉ: Số 377 Phan Đình Phùng, Phường Đắk Cầm, tỉnh Quảng Ngãi

3. Tài sản đấu giá, giá khởi điểm, tiền đặt trước, tiền hồ sơ, bước giá:

a) Tên tài sản đấu giá: Chi tiết tài sản tại Biểu kê chi tiết kèm theo

Stt	Tài sản bán đấu giá	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Bước giá (đồng)
1	Gói 1: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 2 - Ban Ngọc Hồi)	990.709.000	198.000.000	100.000	12.000.000
2	Gói 2: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 2 - Ban Ngọc Hồi và Ban Rò Koi)	633.862.000	126.000.000	100.000	7.000.000
3	Gói 3: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 2 - Ban Đắk Na)	133.195.000	26.000.000	100.000	2.000.000
4	Gói 4: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 2 - Ban KonPlong)	496.731.500	99.000.000	100.000	6.000.000
5	Gói 5: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 3 - Ban Văn Xuôi)	105.646.500	21.000.000	100.000	1.000.000



Stt	Tài sản bán đấu giá	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Bước giá (đồng)
6	Gói 6: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 3 - Ban Rờ Koi)	370.702.000	74.000.000	100.000	4.000.000
7	Gói 7: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 4 - Ban Rờ Koi)	679.532.500	135.000.000	100.000	8.000.000
8	Gói 8: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 4 - Ban Rờ Koi)	517.267.500	103.000.000	100.000	6.000.000
9	Gói 9: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Văn Xuôi)	542.070.500	108.000.000	100.000	6.000.000
10	Gói 10: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Văn Xuôi)	964.129.500	192.000.000	100.000	11.000.000
11	Gói 11: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Văn Xuôi)	844.704.500	168.000.000	100.000	10.000.000
12	Gói 12: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Văn Xuôi)	540.022.000	108.000.000	100.000	6.000.000
13	Gói 13: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Pô Kô)	1.099.254.000	219.000.000	200.000	13.000.000
14	Gói 14: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Đăk Hà)	565.209.183	113.000.000	100.000	7.000.000

Stt	Tài sản bán đấu giá	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Bước giá (đồng)
15	Gói 15: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Đắk Na)	492.175.500	98.000.000	100.000	6.000.000
16	Gói 16: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban KonPlong)	708.381.500	141.000.000	100.000	8.000.000
17	Gói 17: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban KonPlong)	180.183.000	36.000.000	100.000	2.000.000
18	Gói 18: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Ngọc Hồi)	1.187.152.500	237.000.000	200.000	14.000.000
19	Gói 19: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Ngọc Hồi)	330.633.000	66.000.000	100.000	4.000.000
20	Gói 20: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Rờ Koi)	329.579.000	65.000.000	100.000	4.000.000
21	Gói 21: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Rờ Koi)	906.168.000	181.000.000	100.000	11.000.000
22	Gói 22: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Ngọc Tụ)	1.088.773.500	217.000.000	200.000	13.000.000
23	Gói 23: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 5 - Ban Kon Đào)	222.564.000	44.000.000	100.000	3.000.000

Stt	Tài sản bán đấu giá	Giá khởi điểm (đồng)	Tiền đặt trước (đồng)	Tiền hồ sơ (đồng)	Bước giá (đồng)
24	Gói 24: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Kon Đào)	892.364.000	178.000.000	100.000	10.000.000
25	Gói 25: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Kon Đào)	480.972.500	96.000.000	100.000	6.000.000
26	Gói 26: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Văn Xuôi)	1.383.876.500	276.000.000	200.000	16.000.000
27	Gói 27: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Đắk Na)	717.867.500	143.000.000	100.000	8.000.000
28	Gói 28: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Đắk Na)	720.987.000	144.000.000	100.000	8.000.000
29	Gói 29: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Rờ Kơi)	879.019.000	175.000.000	100.000	10.000.000
30	Gói 30: Giá trị sản lượng nhựa Thông chưa khai thác tại rừng (Năm thứ 6 - Ban Ngọc Hồi)	732.776.500	146.000.000	100.000	9.000.000

Giá trị tài sản trên đã bao gồm thuế GTGT. Chi tiết thể hiện tại Biểu tổng hợp kèm theo Tài sản được bán trọn gói từng gói tài sản. Khách hàng có thể mua 01 hoặc nhiều gói.

Lưu ý: Số cây khai thác nhựa và sản lượng nhựa là tạm tính theo phương án thiết kế khai thác nhựa thông và phương án xác định số cây, sản lượng nhựa thông của năm trước liền kề để tính giá khởi điểm tài sản bán đấu giá. Sau khi có phương án xác định số cây và sản lượng nhựa đơn vị tư vấn hoàn thành và được Tổng Công ty Giấy Việt Nam phê duyệt sẽ làm phụ lục hợp đồng điều chỉnh số cây và sản lượng nhựa đã được phê

duyet đối với đơn vị trúng đấu giá thực hiện khai thác (Như vậy giá trị hợp đồng chính thức = sản lượng nhựa theo hồ sơ Tổng Công ty Giấy Việt Nam phê duyệt X đơn giá nhựa thông chưa khai thác tại rừng đấu giá thành công).

Cây có kích thước đủ tiêu chuẩn ($D1.3 > 15\text{cm}$) để tiến hành khai thác nhựa. Cây khỏe mạnh không bị sâu bệnh.

Bên trúng đấu giá chịu các khoản chi phí khai thác (nhân công, BHXH, vật tư...) để khai thác trên vườn cây và có trách nhiệm, nghĩa vụ nộp các loại thuế, phí khác phát sinh có liên quan theo quy định (nếu có); Khai thác tuân thủ theo quy trình kỹ thuật và quy chế giám sát khai thác nhựa Thông của Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam quy định, đảm bảo sự sinh trưởng và phát triển của cây Thông.

Người trúng đấu giá phải nộp tiền ký quỹ (tiền bảo đảm thực hiện hợp đồng) 8,0% giá trị hợp đồng (số tiền này sẽ hoàn trả lại cho người trúng đấu giá sau khi đã nghiệm thu thanh lý hợp đồng mua bán tài sản).

Tài sản được giao theo diện tích hecta và tổng số cây.

Khách hàng đi xem tài sản liên hệ với người có tài sản để nắm rõ thông tin tài sản.

c) Nguồn gốc và tình trạng pháp lý của tài sản: Là tài sản của Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam bán theo hình thức đấu giá công khai rộng rãi.

4. Thời gian-địa điểm xem tài sản: Giờ hành chính từ ngày 29/7 đến ngày 31/7/2025.

Địa điểm xem tài sản: Tại Các Ban trông rừng NLG thuộc Công ty nguyên liệu giấy Miền Nam

Khách hàng liên hệ Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam để được cấp giấy giới thiệu xem tài sản và tự chịu mọi chi phí liên quan đến việc xem tài sản.

5. Thời gian tham khảo, bán hồ sơ và địa điểm đăng ký tham gia đấu giá:

a) Thời gian bán/nộp hồ sơ và đăng ký tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước:

Gói 1 đến Gói 10: Giờ hành chính từ 08h00 ngày 28/7 đến 17h00 ngày 04/8/2025

Gói 11 đến Gói 20: Giờ hành chính từ 08h00 ngày 28/7 đến 17h00 ngày 05/8/2025

Gói 21 đến Gói 30: Giờ hành chính từ 08h00 ngày 28/7 đến 17h00 ngày 06/8/2025

b) Địa điểm bán hồ sơ, mở tài khoản đăng ký tham gia đấu giá:

+ Khách hàng tham gia đấu giá tự đăng ký mở tài khoản, mua và nộp hồ sơ trực tiếp qua hệ thống đấu giá trực tuyến có tên miền <http://daugiabtn.com> của Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam theo hướng dẫn hoặc liên hệ mua hồ sơ và mở tài khoản trực tiếp tại:

+ Văn phòng Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam: Số 6/4 phố Mạc Thái Tổ, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội; ĐT 0243.7820483.

+ Văn phòng Chi nhánh Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam tại TP. HCM: Số 6/5 Phạm Văn Hai, phường Tân Sơn Hòa, TP. HCM; ĐT: 028 36208369 (Chỉ tham khảo hồ sơ).

+ Khách hàng có thể liên hệ qua điện thoại 0902.156.992, hoặc email daugiabtn@gmail.com trên trang đấu giá trực tuyến

6. Cách thức đăng ký tham gia đấu giá: Khách hàng mua hồ sơ và đăng ký tham gia, nộp hồ sơ hợp lệ và tiền đặt trước cho tổ chức đấu giá đúng hạn theo quy định tại Quy chế cuộc đấu giá.

7. Thời gian nhận tiền đặt trước: chi tiết tại khoản 5

Tiền đặt trước: chi tiết tại khoản 3

Phương thức nộp: Thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế cuộc đấu giá.

8. Hình thức đấu giá:

- Hình thức đấu giá: Đấu giá trực tuyến, theo phương thức trả giá lên.

- Bước giá: **chỉ tiết tại khoản 3**

+ Giá trả hợp lệ = Giá khởi điểm + $n \times$ bước giá;

Trong đó: n là số tự nhiên ($n = 0, 1, 2, 3, \dots$)

Không hạn chế số lần trả giá của khách hàng. Người trả giá sau phải trả giá cao hơn người trả giá hợp lệ trước liền kề tối thiểu là 01 bước giá.

9. Thời gian, địa điểm mở cuộc đấu giá:

- Thời gian đấu giá:

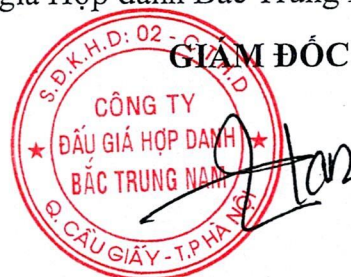
Gói tài sản	Thời gian trả giá
Gói 1 đến Gói 10	ngày 07/8/2025 Gói 1: 08h00 – 08h30 Gói 2: 08h45 – 09h15 Gói 3: 09h30 – 10h00 Gói 4: 10h15 – 10h45 Gói 5: 11h00 – 11h30 Gói 6: 13h30 – 14h00 Gói 7: 14h15 – 14h45 Gói 8: 15h00 – 15h30 Gói 9: 15h45 – 16h15 Gói 10: 16h30 – 17h00
Gói 11 đến Gói 20	ngày 08/8/2025 Gói 11: 08h00 – 08h30 Gói 12: 08h45 – 09h15 Gói 13: 09h30 – 10h00 Gói 14: 10h15 – 10h45 Gói 15: 11h00 – 11h30 Gói 16: 13h30 – 14h00 Gói 17: 14h15 – 14h45 Gói 18: 15h00 – 15h30 Gói 19: 15h45 – 16h15 Gói 20: 16h30 – 17h00
Gói 21 đến Gói 30	ngày 11/8/2025 Gói 21: 08h00 – 08h30 Gói 22: 08h45 – 09h15 Gói 23: 09h30 – 10h00 Gói 24: 10h15 – 10h45 Gói 25: 11h00 – 11h30 Gói 26: 13h30 – 14h00 Gói 27: 14h15 – 14h45 Gói 28: 15h00 – 15h30 Gói 29: 15h45 – 16h15 Gói 30: 16h30 – 17h00

- **Địa điểm:** Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến daugiabtn.com của Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam.

Khách hàng có nhu cầu liên hệ trực tiếp tại các địa chỉ trên hoặc tìm hiểu thêm thông tin tại trang web: **www.daugiabtn.com** của Công ty Đấu giá Hợp danh Bắc Trung Nam.

Nơi nhận:

- Bên có TS bán đấu giá (để phối hợp)
- Niêm yết tại VP công ty, VP CN, nơi để tài sản;
- Các trang điện tử để đăng thông tin bán đấu giá;
- Khách hàng tham gia đấu giá (để thực hiện);
- Lưu hồ sơ đấu giá.



Nguyễn Thị Ngọc Lan



TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
CÔNG TY NGUYÊN LIỆU GIẤY MIỀN NAM

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH VÀ GIÁ TRỊ SẢN LƯỢNG NHỰA

Gói	Hiện trường ban trồng rừng	Năm khai thác nhựa	Diện tích (ha)	Tổng số cây trong lô (cây)	Số cây không đủ tiêu chuẩn khai thác nhựa (cây)	Số cây khai thác nhựa (cây)	Sản lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Giá trị (đồng)	% so với giá khởi điểm	Bước giá (đồng)
Gói 1	Ngọc Hồi	Năm thứ 2	122.10	60.124	4.603	55.521	116.554	8.500	990.709.000	1.21	12.000.000
Gói 2	Ngọc Hồi+Rờ Koi	Năm thứ 2	94.20	42.607	3.808	38.799	74.572	8.500	633.862.000	1.10	7.000.000
Gói 3	Đăk Na	Năm thứ 2	16.90	7.508	178	7.330	15.670	8.500	133.195.000	1.50	2.000.000
Gói 4	KonPlong	Năm thứ 2	69.10	31.282	3.534	27.748	58.439	8.500	496.731.500	1.21	6.000.000
Gói 5	Văn Xuôi	Năm thứ 3	15.00	6.073	369	5.704	12.429	8.500	105.646.500	0.95	1.000.000
Gói 6	Rờ Koi	Năm thứ 3	55.60	26.215	4.229	21.986	43.612	8.500	370.702.000	1.08	4.000.000
Gói 7	Rờ Koi	Năm thứ 4	89.05	58.579	13.709	44.870	79.945	8.500	679.532.500	1.18	8.000.000
Gói 8	Rờ Koi	Năm thứ 4	55.30	36.865	5.559	31.306	60.855	8.500	517.267.500	1.16	6.000.000
Gói 9	Văn Xuôi	Năm thứ 5	69.30	49.363	16.691	32.672	63.773	8.500	542.070.500	1.11	6.000.000
Gói 10	Văn Xuôi	Năm thứ 5	109.17	78.112	18.243	59.869	113.427	8.500	964.129.500	1.14	11.000.000
Gói 11	Văn Xuôi	Năm thứ 5	116.60	104.894	49.838	55.057	99.377	8.500	844.704.500	1.18	10.000.000
Gói 12	Văn Xuôi	Năm thứ 5	61.39	34.937	7.031	27.905	63.532	8.500	540.022.000	1.11	6.000.000
Gói 13	Pô Kô	Năm thứ 5	160.53	143.419	62.461	80.958	129.324	8.500	1.099.254.000	1.18	13.000.000
Gói 14	Đăk Hà	Năm thứ 5	83.46	41.069	8.327	32.742	66.495	8.500	565.209.183	1.24	7.000.000
Gói 15	Đăk Na	Năm thứ 5	79.40	34.016	4.571	29.444	57.903	8.500	492.175.500	1.22	6.000.000
Gói 16	KonPlong	Năm thứ 5	90.14	63.315	16.228	47.088	83.339	8.500	708.381.500	1.13	8.000.000
Gói 17	KonPlong	Năm thứ 5	30.07	15.132	4.730	10.401	21.198	8.500	180.183.000	1.11	2.000.000
Gói 18	Ngọc Hồi	Năm thứ 5	148.59	101.922	28.102	73.821	139.665	8.500	1.187.152.500	1.18	14.000.000
Gói 19	Ngọc Hồi	Năm thứ 5	33.00	23.521	4.471	19.050	38.898	8.500	330.633.000	1.21	4.000.000
Gói 20	Rờ Koi	Năm thứ 5	50.50	21.477	2.482	18.995	38.774	8.500	329.579.000	1.21	4.000.000
Gói 21	Rờ Koi	Năm thứ 5	133.65	70.518	18.002	52.516	106.608	8.500	906.168.000	1.21	11.000.000
Gói 22	Ngọc Tụ	Năm thứ 5	160.70	100.068	36.234	63.834	128.091	8.500	1.088.773.500	1.19	13.000.000
Gói 23	Kon Đào	Năm thứ 5	29.30	16.771	4.046	12.725	26.184	8.500	222.564.000	1.35	3.000.000
Gói 24	Kon Đào	Năm thứ 6	111.61	56.598	8.881	47.716	104.984	8.500	892.364.000	1.12	10.000.000
Gói 25	Kon Đào	Năm thứ 6	55.57	32.657	6.142	26.515	56.585	8.500	480.972.500	1.25	6.000.000

Gói	Hiện trường ban trồng rừng	Năm khai thác nhựa	Diện tích (ha)	Tổng số cây trong lô (cây)	Số cây không đủ tiêu chuẩn khai thác nhựa (cây)	Số cây khai thác nhựa (cây)	Sản lượng (kg)	Đơn giá (đồng/kg)	Giá trị (đồng)	% so với giá khởi điểm	Bước giá (đồng)
Gói 26	Văn Xúi	Năm thứ 6	172.38	87.196	16.502	70.694	162.809	8.500	1.383.876.500	1.16	16.000.000
Gói 27	Đắc Na	Năm thứ 6	104.10	54.182	12.960	41.222	84.455	8.500	717.867.500	1.11	8.000.000
Gói 28	Đắc Na	Năm thứ 6	123.50	57.479	11.832	45.647	84.822	8.500	720.987.000	1.11	8.000.000
Gói 29	Rờ Koi	Năm thứ 6	98.70	60.603	12.608	47.995	103.414	8.500	879.019.000	1.14	10.000.000
Gói 30	Ngọc Hồi	Năm thứ 6	104.20	49.155	10.973	38.182	86.209	8.500	732.776.500	1.23	9.000.000
Tổng cộng			2.643.11	1.565.655	397.344	1.168.311	2.321.942		19.736.508.683		